

Số: 500/2022/QĐST-HNGĐ *Thành phố Thủ Đức, ngày 24 tháng 02 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 86 Quyền 1/2005 ngày 24/11/2005 của Ủy ban nhân dân xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1881/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1958

Địa chỉ: Đường G, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Đường G, Khu phố B, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 16 tháng 02 năm 2022, bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Đăng H thỏa thuận: Về quan hệ hôn nhân bà Phạm Thị M, sinh năm 1966 và ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1958 thuận tình ly hôn; Về con chung: Ông Nguyễn Đăng H và bà Phạm Thị M có 04 con chung Nguyễn Đăng C (nam), sinh năm 1986; Nguyễn Kiều V (nữ), sinh năm 1992; Nguyễn Thị Kiều D (nữ), sinh năm 1988; Nguyễn Đăng H1 (nam), sinh năm 1990 đều đã trưởng thành; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có; Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Đăng H chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 16 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1966 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Đăng H và bà Phạm Thị M có 04 con chung là Nguyễn Đăng C (nam), sinh năm 1986; Nguyễn Thị Kiều D (nữ), sinh năm

1988; Nguyễn Đăng H1 (nam), sinh năm 1990; Nguyễn Kiều V (nữ), sinh năm 1992 đều đã trưởng thành.

1.3 Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Nợ chung: Không có

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Đăng H và bà Phạm Thị M chịu, được cân trừ vào 300.000 đồng ông H, bà M đã nộp theo Biên lai thu số 0025237 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông H, bà M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh